

TCTY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
CTY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CCIC HÀ NỘI

Địa chỉ: 21 Huỳnh Thúc Kháng - Hà Nội

Điện thoại: 04.7730037 Fax: 04.7730196

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2009

Đã được kiểm toán bởi Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM)

I- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Ngày 31/12/09	Ngày 31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	55.115.496.487	52.356.216.911
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.028.872.403	4.110.538.187
2. Các khoản phải thu	130	31.503.537.920	28.209.363.603
3. Hàng tồn kho	140	16.769.349.402	17.018.054.529
4. Tài sản ngắn hạn khác	150	3.813.736.762	3.018.260.592
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	4.306.848.546	4.445.433.583
I. Tài sản cố định	220	3.626.680.155	3.489.859.861
1. Tài sản cố định hữu hình	221	3.295.430.361	3.471.969.497
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	331.249.794	17.890.364
V. Tài sản dài hạn khác	260	680.168.391	955.573.722
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	680.168.391	955.573.722
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	59.422.345.033	56.801.650.494

NGUỒN VỐN	Mã số	Ngày 31/12/09	Ngày 31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	46.428.469.919	44.488.690.580
I. Nợ ngắn hạn	310	45.978.091.236	44.337.072.692
II. Nợ dài hạn	330	450.378.683	151.617.888
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	12.993.875.114	12.312.959.914
I. Vốn chủ sở hữu	410	12.993.875.114	12.312.959.914
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	1.542.301	1.542.301
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	915.186.295	542.390.485
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	87.832.104	53.032.365
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	1.989.314.414	1.715.994.763
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	59.422.345.033	56.801.650.494

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31/12/2009	Ngày 31/12/2008
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, gia công	227.424.746	227.424.746

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thuỷ

Nguyễn Thị Thu Huyền



Đặng Văn Châu

II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

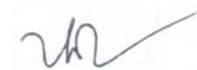
tt	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.377.778.847	25.526.246.073
2	Các khoản giảm trừ		534.522.292	40.776.891
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.843.256.555	25.485.469.182
4	Giá vốn hàng bán		23.501.415.984	18.898.556.528
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.341.840.571	6.586.912.654
6	Doanh thu hoạt động tài chính		65.543.060	63.572.221
7	Chi phí hoạt động tài chính		382.246.439	179.565.985
8	Chi phí bán hàng		0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.703.149.755	4.230.775.907
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.321.987.437	2.240.142.983
11	Thu nhập khác		1.532.833.003	32.405.059
12	Chi phí khác		1.663.158.444	262.258.308
13	Lợi nhuận khác		-130.325.441	-229.853.249
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.191.661.996	2.010.289.734
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành		202.347.582	294.294.971
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.989.314.414	1.715.994.763
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.989	1.716

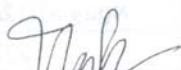
III- các chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	năm 2008
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản cố định/ Tổng tài sản - Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	7,25% 92,75%	7,83% 92,17%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	77,98% 22,02%	78,58% 21,42%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - khả năng thanh toán hiện hành	lần lần	0,07 1,20	0,09 1,18
4	Tỷ suất lợi nhuận - Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	3,69% 6,45% 15,31%	3,54% 6,73% 13,94%

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Huyền



Ngày 30 tháng 03 năm 2010

Giám đốc


Đặng Văn Châu

Ghi chú: Khả năng thanh toán nhanh = Tiền và các khoản ĐT tài chính ngắn hạn / Nợ ngắn hạn

Khả năng thanh toán hiện hành = TS ngắn hạn / nợ ngắn hạn